

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 3 (nay là thôn V), xã X, huyện T, tỉnh T

Bị đơn: Anh Hà Đình V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 1 (nay là thôn V 1), xã X, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/02/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị D và anh Hà Đình V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Hà Đình V tự nguyện thuận tình ly

hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Đình B , sinh ngày 07/6/2020.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Chị Phạm Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Đình B , sinh ngày 07/6/2020. Anh Hà Đình V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (*một triệu đồng*)/tháng kể từ tháng 02/2023 cho đến khi cháu B thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Anh Hà Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị D chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0014473 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Phạm Thị D được nhận lại 150.000 đồng. Anh Hà Đình V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh T;
- Dương sự;
- UBND xã X, huyện T, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng